

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~434~~1/QĐ-HVN

Hà Nội, ngày ~~31~~ tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2016

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Điều lệ trường đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 4790/QĐ-BNN-TCCB ngày 03 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy định về phân cấp, ủy quyền quản lý công chức, viên chức của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 3563/QĐ-HVN ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quy định đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức được ban hành kèm theo Quyết định số 1152/QĐ-NNH ngày 07 tháng 6 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam);

Xét đề nghị của ông Trưởng ban Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, lao động hợp đồng năm 2016 của Học viện Nông nghiệp Việt Nam như sau:

- Kế hoạch bồi dưỡng chuẩn hóa viên chức theo chuẩn nghiệp vụ của ngạch (biểu 1)
- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước (biểu 2)
- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở nước ngoài (biểu 3)

Điều 2. Trưởng các đơn vị căn cứ vào kế hoạch đã được Giám đốc phê duyệt để cử công chức, viên chức, lao động hợp đồng đi đào tạo, bồi dưỡng. Các trường hợp không có trong kế hoạch trên sẽ không được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan và các cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Ban TCCB, KV(7).



Nguyễn Thị Lan



KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG CHUẨN HÓA VIÊN CHỨC THEO CHUẨN NGHIỆP VỤ CỦA NGẠCH
(Kèm theo Quyết định số: 4341/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2015)

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nội dung bồi dưỡng								Thời gian	Cơ sở bồi dưỡng	Nguồn kinh phí dự kiến
			Cao cấp LLCT	Giảng viên Cao cấp	Giảng viên chính	Nghiệp vụ SP	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Kỹ sư, NCV chính	Khác (ghi rõ nội dung)			
1	Vũ Thanh Hải	Khoa NH			x						2016		HV và cá nhân
2	Trịnh Thị Mai Dung	Khoa NH			x						2016		HV và cá nhân
3	Vũ Quỳnh Hoa	Khoa NH				x					2016		HV và cá nhân
4	Lê Ngọc Anh	Khoa NH			x						2016		HV và cá nhân
5	Hồ Thị Thu Giang	Khoa NH		x							2016		HV và cá nhân
6	Phạm Hồng Thái	Khoa NH			x						2016		HV và cá nhân
7	Nguyễn Đức Tùng	Khoa NH			x						2016		HV và cá nhân
8	Chu Anh Tiếp	Khoa NH			x						2016		HV và cá nhân
9	Nguyễn Văn Phú	Khoa NH		x							2016		HV và cá nhân
10	Vũ Quang Sáng	Khoa NH		x							2016		HV và cá nhân
11	Phạm Tuấn Anh	Khoa NH			x						2016		HV và cá nhân
12	Trần Anh Tuấn	Khoa NH			x						2016		HV và cá nhân
13	Nguyễn Hạnh Hoa	Khoa NH		x							2016		HV và cá nhân
14	Nguyễn Hữu Cường	Khoa NH			x						2016		HV và cá nhân
15	Hoàng Thị Hiền	Khoa NH							x		2016		HV và cá nhân
17	Nguyễn Đức Huy	Khoa NH			x						2016		HV và cá nhân
18	Nguyễn Thị Phương Giang	Khoa CN			x						3/2016		HV và cá nhân
19	Đỗ Đức Lực	Khoa CN			x						3/2016		HV và cá nhân
20	Nguyễn Chí Thành	Khoa CN			x						3/2016		HV và cá nhân
21	Nguyễn Hoàng Thịnh	Khoa CN			x						3/2016		HV và cá nhân
22	Trần Hiệp	Khoa CN			x						3/2016		HV và cá nhân
23	Nguyễn Chí Thành	Khoa CN			x						3/2016		HV và cá nhân

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nội dung bồi dưỡng								Thời gian	Cơ sở bồi dưỡng	Nguồn kinh phí dự kiến
			Cao cấp LLCT	Giảng viên Cao cấp	Giảng viên chính	Nghiệp vụ SP	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Kỹ sư, NCV chính	Khác (ghi rõ nội dung)			
24	Lê Việt Phương	Khoa CN			x						3/2016		HV và cá nhân
25	Phạm Kim Đăng	Khoa CN			x						3/2016		HV và cá nhân
26	Cù Thị Thiên Thu	Khoa CN			x						3/2016		HV và cá nhân
27	Nguyễn Thị Vân Trang	Khoa CN			x						3/2016		HV và cá nhân
28	Hà Xuân Bộ	Khoa CN			x						3/2016		HV và cá nhân
29	Nguyễn Thị Châu Giang	Khoa CN							x		3/2016		HV và cá nhân
30	Vũ Thúy Hằng	Khoa CN							x		3/2016		HV và cá nhân
31	Bùi Thị Bích	Khoa CN							x		3/2016		HV và cá nhân
32	Nguyễn Thị Thu	Khoa CN							x		3/2016		HV và cá nhân
33	Nguyễn Đức Bách	Khoa CNSH	x								2016		Học viện
34	Đồng Huy Giới	Khoa CNSH			x						2016		HV và cá nhân
35	Bùi Thị Thu Hương	Khoa CNSH			x						2016		HV và cá nhân
36	Nguyễn Thị Thúy Hạnh	Khoa CNSH			x						2016		HV và cá nhân
37	Nguyễn Văn Giang	Khoa CNSH			x						2016		HV và cá nhân
38	Ngô Thành Trung	Khoa CNSH			x						2016		HV và cá nhân
39	Lê Minh Nguyệt	Khoa CNTP			x						KH của HV		HV và cá nhân
40	Ngô Xuân Dũng	Khoa CNTP			x						KH của HV		HV và cá nhân
41	Trần Thị Lan Hương	CNTP			x								HV và cá nhân
42	Nguyễn T Hoàng Lan	CNTP			x								HV và cá nhân
43	Trần Thị Định	Khoa CNTP			x						2016	Học viện	HV và cá nhân
44	Trần Hữu Thành	Khoa CNTP					x				2016		HV và cá nhân
45	Nguyễn Thị Bích Thủy	Khoa CNTP		x									HV và cá nhân
46	Vũ Thị Kim Oanh	Khoa CNTP			x								HV và cá nhân
47	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa CNTP	x		x								HV và cá nhân
48	Ngô Công Thắng	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
49	Hoàng Thị Hà	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
50	Phạm Thùy Vân	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
51	Lê Thị Minh Thùy	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nội dung bồi dưỡng								Thời gian	Cơ sở bồi dưỡng	Nguồn kinh phí dự kiến
			Cao cấp LLCT	Giảng viên Cao cấp	Giảng viên chính	Nghiệp vụ SP	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Kỹ sư, NCV chính	Khác (ghi rõ nội dung)			
52	Lê Thị Nhung	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
53	Phan Trọng Tiến	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
54	Trần Trung Hiếu	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
55	Đỗ Thị Nhâm	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
56	Phạm Quang Dũng	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
57	Trần Thị Thu Huyền	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
58	Nguyễn Hoàng Huy	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
59	Trần Đức Quỳnh	Khoa CNTT	x		x						2016		HV và cá nhân
60	Ngọc Minh Châu	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
61	Nguyễn Thị Thủy Hạnh	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
62	Hoàng Thị Thanh Giang	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
63	Nguyễn Xuân Thảo	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
64	Nguyễn Thị Lan	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
65	Đỗ Thị Huệ	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
66	Phạm Việt Nga	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
67	Nguyễn Thị Bích Thủy	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
68	Đào Thu Huyền	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
69	Nguyễn Văn Hạnh	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
70	Phan Quang Sáng	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
71	Nguyễn Hà Thanh	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
72	Nguyễn Thị Phương	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
73	Bùi Thị Thu	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
74	Nguyễn Tiến Hiền	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
75	Lê Văn Dũng	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
76	Nguyễn Thị Thanh	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
77	Lê Phương Thảo	Khoa CNTT			x						2016		HV và cá nhân
78	Thân Thị Huyền	Khoa CNTT							x		2016		HV và cá nhân
79	Trịnh Thị Nhâm	Khoa CNTT					x				2016		HV và cá nhân
80	Dương Thị Hồng Vân	Khoa CNTT					x				2016		HV và cá nhân
81	Nguyễn Xuân Trường	Khoa CĐ	x		x						2016		HV và cá nhân
82	Nguyễn Hữu Thuận	Khoa CĐ			x						2016		HV và cá nhân

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nội dung bồi dưỡng								Thời gian	Cơ sở bồi dưỡng	Nguồn kinh phí dự kiến
			Cao cấp LLCT	Giảng viên Cao cấp	Giảng viên chính	Nghiệp vụ SP	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Kỹ sư, NCV chính	Khác (ghi rõ nội dung)			
83	Nguyễn Thanh Hải	Khoa CĐ	x		x						2016		HV và cá nhân
84	Trần Nhật Minh	Khoa CĐ			x						2016		HV và cá nhân
85	Nguyễn Chung Thông	Khoa CĐ			x						2016		HV và cá nhân
86	Dương Thành Huân	Khoa CĐ			x						2016		HV và cá nhân
87	Đào Quang Kế	Khoa CĐ		x							2016		HV và cá nhân
88	Tổng Ngọc Tuấn	Khoa CĐ		x							2016		HV và cá nhân
89	Phạm Thanh Cường	Khoa CĐ			x						2016		HV và cá nhân
90	Nguyễn Thị Hiên	Khoa CĐ			x						2016		HV và cá nhân
91	Bùi Hải Triều	Khoa CĐ		x							2016		HV và cá nhân
92	Nguyễn Ngọc Quế	Khoa CĐ		x							2016		HV và cá nhân
93	Đặng Tiến Hòa	Khoa CĐ		x							2016		HV và cá nhân
94	Hàn Trung Dũng	Khoa CĐ		x							2016		HV và cá nhân
95	Bùi Việt Đức	Khoa CĐ		x							2016		HV và cá nhân
96	Mai Thị Thanh Thủy	Khoa CĐ			x								
97	Bùi Quốc Huy	Khoa CĐ							x		2016		HV và cá nhân
98	Trần Thị Thúy An	Khoa CĐ							x		2016		HV và cá nhân
99	Nông Văn Nam	Khoa CĐ							x		2016		HV và cá nhân
100	Mai Thanh Cúc	KT & PTNT		x									HV và cá nhân
101	Quyền Đình Hà	KT & PTNT		x									HV và cá nhân
102	Nguyễn T. Minh Hiên	KT & PTNT		x									HV và cá nhân
103	Quyền Đình Hà	KT & PTNT			x								HV và cá nhân
104	Mai Lan Phương	KT & PTNT			X								HV và cá nhân
105	Lê Ngọc Hương	KT & PTNT			x								HV và cá nhân
106	Lê Thị Long Vỹ	KT & PTNT			x								HV và cá nhân
107	Nguyễn Thị Thu Huyền	KT & PTNT			x								HV và cá nhân
108	Nguyễn Hữu Ngoan	KT & PTNT		x									HV và cá nhân
109	Trần Đình Thao	KT & PTNT		x									HV và cá nhân
110	Nguyễn Tuấn Sơn	KT & PTNT		x									HV và cá nhân
111	Nguyễn T. Minh Thu	KT & PTNT			x								HV và cá nhân
112	Tô Thế Nguyên	KT & PTNT			x								HV và cá nhân
113	Hồ Ngọc Ninh	KT & PTNT			x								HV và cá nhân

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nội dung bồi dưỡng								Thời gian	Cơ sở bồi dưỡng	Nguồn kinh phí dự kiến
			Cao cấp LLCT	Giảng viên Cao cấp	Giảng viên chính	Nghiệp vụ SP	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Kỹ sư, NCV chính	Khác (ghi rõ nội dung)			
114	Nguyễn Văn Song	KT & PTNT		x									HV và cá nhân
115	Nguyễn Mậu Dũng	KT & PTNT		x									HV và cá nhân
116	Nguyễn Thị Hải Ninh	KT & PTNT			x								HV và cá nhân
117	Đỗ Thị Diệp	KT & PTNT			x								HV và cá nhân
118	Nguyễn Thị Ngọc Thương	KT & PTNT			x								HV và cá nhân
119	Nguyễn Phương Lê	KT & PTNT		x									HV và cá nhân
120	Phạm Bảo Dương	KT & PTNT		x									HV và cá nhân
121	Nguyễn Các Mác	KT & PTNT		x									HV và cá nhân
122	Nguyễn Viết Đăng	KT & PTNT			x								HV và cá nhân
123	Nguyễn Thị Thiêm	KT & PTNT			x								HV và cá nhân
124	Lưu Văn Duy	KT & PTNT			x								HV và cá nhân
125	Phạm T. Thanh Thúy	KT & PTNT			x								HV và cá nhân
126	Trần Quang Trung	KT & QTKD			x						2016		HV và cá nhân
127	Đỗ Quang Giám	KT & QTKD			x						2016		HV và cá nhân
128	Nguyễn Công Tiếp	KT & QTKD			x						2016		HV và cá nhân
129	Bùi Thị Nga	KT & QTKD			x						2016		HV và cá nhân
130	Phạm T. Hương Dịu	KT & QTKD			x						2016		HV và cá nhân
131	Lê Thị Minh Châu	KT & QTKD			x						2016		HV và cá nhân
132	Lê Văn Liên	KT & QTKD			x						2016		HV và cá nhân
133	Nguyễn Thị Thủy	KT & QTKD			x						2016		HV và cá nhân
134	Nguyễn Văn Phương	KT & QTKD			x						2016		HV và cá nhân
135	Mai T. Mỹ Hạnh	KT & QTKD					x				2016		HV và cá nhân
136	Lê Thị Kim Thanh	LLCT & XH			x						2016	Học viện	HV và cá nhân
137	Nguyễn Thị Thanh Minh	LLCT & XH			x						2016	Học viện	HV và cá nhân
138	Lê Văn Hùng	LLCT & XH			x						2016	Học viện	HV và cá nhân
139	Lê Thị Xuân	LLCT & XH			x						2016	Học viện	HV và cá nhân
140	Nguyễn Đắc Dũng	LLCT & XH			x						2016	Học viện	HV và cá nhân
141	Trương Thị Thu Hạnh	LLCT & XH			x						2016	Học viện	HV và cá nhân
142	Tạ Quang Giảng	LLCT & XH			x						2016	Học viện	HV và cá nhân

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nội dung bồi dưỡng								Thời gian	Cơ sở bồi dưỡng	Nguồn kinh phí dự kiến
			Cao cấp LLCT	Giảng viên Cao cấp	Giảng viên chính	Nghệ vụ SP	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Kỹ sư, NCV chính	Khác (ghi rõ nội dung)			
143	Trần Khánh Dư	LLCT & XH			x						2016	Học viện	HV và cá nhân
144	Vũ Hải Hà	LLCT & XH			x						2016	Học viện	HV và cá nhân
145	Vũ Thị Thu Hà	LLCT & XH			x						2016	Học viện	HV và cá nhân
146	Vũ Văn Tuấn	LLCT & XH			x						2016	Học viện	HV và cá nhân
147	Trịnh Thị Ngọc Anh	LLCT & XH			x						2016	Học viện	HV và cá nhân
148	Nguyễn Thị Ngân	LLCT & XH			x						2016	Học viện	HV và cá nhân
149	Lê Thị Yến	LLCT & XH			x						2016	Học viện	HV và cá nhân
150	Đỗ Thị Kim Hương	LLCT & XH			x						2016	Học viện	HV và cá nhân
151	Nguyễn Thị Thu Hà	LLCT & XH			x						2016	Học viện	HV và cá nhân
152	Phạm Thị Tuyết Thanh	SP & NN			x						2016		HV và cá nhân
153	Hà Thị Lan	SP & NN			x						2016		HV và cá nhân
154	Nguyễn Thị Minh Tâm	SP & NN			x						2016		HV và cá nhân
155	Nguyễn T. Kim Quế	SP & NN			x						2016		HV và cá nhân
156	Đặng Thị Vân	SP & NN			x						2016		HV và cá nhân
157	Nguyễn Huyền Thương	SP & NN			x						2016		HV và cá nhân
158	Trần Thị Hà Nghĩa	SP & NN			x						2016		HV và cá nhân
159	Trần Nguyễn Hà	SP & NN			x						2016		HV và cá nhân
160	Nguyễn Tất Thắng	SP & NN			x						2016		HV và cá nhân
161	Nguyễn Công Ước	SP & NN			x						2016		HV và cá nhân
162	Nguyễn T. Bích Liên	SP & NN							x		2016		HV và cá nhân
163	Đỗ Văn Nhạ	QLĐĐ			x						2016		HV và cá nhân
164	Nguyễn Tuấn Anh	QLĐĐ			x						2016		HV và cá nhân
165	Nguyễn T Lan Anh	QLĐĐ			x						2016		HV và cá nhân
166	Nguyễn Thu Hà	QLĐĐ			x						2016		HV và cá nhân
167	Nguyễn Văn Thao	QLĐĐ			x						2016		HV và cá nhân
168	Luyện Hữu Cừ	QLĐĐ			x						2016		HV và cá nhân
169	Phan Quốc Hưng	QLĐĐ									2016		HV và cá nhân
170	Nguyễn Văn Quân	QLĐĐ	x	x							2016		HV và cá nhân
171	Đỗ Thị Đức Hạnh	QLĐĐ		x							2016		HV và cá nhân
172	Phạm Phương Nam	QLĐĐ		x							2016		HV và cá nhân
173	Phan Thị Thanh Huyền	QLĐĐ			x						2016		HV và cá nhân

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nội dung bồi dưỡng								Thời gian	Cơ sở bồi dưỡng	Nguồn kinh phí dự kiến
			Cao cấp LLCT	Giảng viên Cao cấp	Giảng viên chính	Nghiệp vụ SP	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Kỹ sư, NCV chính	Khác (ghi rõ nội dung)			
174	Nguyễn Thị Thu Hương	QLĐĐ			x						2016		HV và cá nhân
175	Ngô Thị Dung	QLĐĐ			x						2016		HV và cá nhân
176	Nguyễn Thị Giang	QLĐĐ			x						2016		HV và cá nhân
177	Ngô Thanh Sơn	QLĐĐ			x						2016		HV và cá nhân
178	Trần Trọng Phương	QLĐĐ	x								2016		Học viện
179	Phan Văn Khuê	QLĐĐ			x						2016		HV và cá nhân
180	Nguyễn T. Thu Hiền	QLĐĐ			x						2016		HV và cá nhân
181	Nguyễn Đình Công	QLĐĐ			x						2016		HV và cá nhân
182	Phạm Văn Vân	QLĐĐ			x						2016		HV và cá nhân
183	Phạm Bích Tuấn	QLĐĐ							x		2016		HV và cá nhân
184	Nguyễn Thị Hương	Môi trường			x						2016	Học viện	HV và cá nhân
185	Đinh Thị Hải Vân	Môi trường			x						2016	Học viện	HV và cá nhân
186	Nguyễn Thế Bình	Môi trường			x						Theo QĐ	Theo QĐ	HV và cá nhân
187	Đinh Hồng Duyên	Môi trường			x						Theo QĐ	Theo QĐ	HV và cá nhân
188	Nguyễn Thị Minh	Môi trường			x						Theo QĐ	Theo QĐ	HV và cá nhân
189	Nguyễn T Bích Yên	Môi trường			x						Theo QĐ	Theo QĐ	HV và cá nhân
190	Nguyễn Đình Thi	Môi trường			x						Theo QĐ	Theo QĐ	HV và cá nhân
191	Nguyễn Thị Thu Hà	Môi trường			x						Theo QĐ	Theo QĐ	HV và cá nhân
192	Phan Thị Thúy	Môi trường			x						Theo QĐ	Theo QĐ	HV và cá nhân
193	Trần Thanh Hải	Môi trường			x						2016		HV và cá nhân
194	Nguyễn T Hồng Hạnh	Môi trường			x						2016		HV và cá nhân
195	Đoàn Thị Thúy Ái	Môi trường			x						2016		HV và cá nhân
196	Phạm Châu Thùy	Môi trường			x						Theo QĐ	Theo QĐ	HV và cá nhân
197	Vũ T. Xuân Hương	Môi trường							x		Theo QĐ	Theo QĐ	HV và cá nhân
198	Trần Thị Năng Thu	Thủy sản			x								HV và cá nhân
199	Nguyễn Ngọc Tuấn	Thủy sản			x								HV và cá nhân
200	Phạm T Lam Hồng	Thủy sản			x								HV và cá nhân
201	Trần Ánh Tuyết	Thủy sản			x								HV và cá nhân
202	Lê T. Hoàng Hằng	Thủy sản			x								HV và cá nhân
203	Huỳnh Thị Mỹ Lệ	Thú y	x										Học viện
204	Dương Văn Nhiệm	Thú y	x		x								HV và cá nhân

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nội dung bồi dưỡng								Thời gian	Cơ sở bồi dưỡng	Nguồn kinh phí dự kiến
			Cao cấp LLCT	Giảng viên Cao cấp	Giảng viên chính	Nghiệp vụ SP	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Kỹ sư, NCV chính	Khác (ghi rõ nội dung)			
205	Lại Thị Lan Hương	Thú y	x		x								HV và cá nhân
206	Trần Đức Tám	Thú y			x								HV và cá nhân
207	Nguyễn Thị Minh Phương	Thú y							x				HV và cá nhân
208	Đàm Văn Phải	Thú y			x								HV và cá nhân
209	Nguyễn Thị Phương	Thú y							x				HV và cá nhân
210	Tạ Kim Chung	Thú y							x				HV và cá nhân
211	Trương Hà Thái	Thú y			x								HV và cá nhân
212	Bùi Tổ Nga	Thú y			x								HV và cá nhân
213	Nguyễn Thị Yến	Thú y							x				HV và cá nhân
214	Đinh Phương Nam	Thú y							x				HV và cá nhân
215	Trần Văn Nền	Thú y							x				HV và cá nhân
216	Nguyễn Văn Toàn	TTGDTC&TT			x								HV và cá nhân
217	Cao Hùng Dũng	TTGDTC&TT			x								HV và cá nhân
218	Phan Thị Điều	TTGDTC&TT			x								HV và cá nhân
219	Lê Thị Kim Lan	TTGDTC&TT			x								HV và cá nhân
220	Nguyễn Thùy Dung	Ban Thanh tra					x				2016		HV và cá nhân
221	Lê Thị Hải	Ban Thanh tra					x				2016		HV và cá nhân
222	Trịnh Hồng Kiên	Ban Thanh tra					x				2016		HV và cá nhân
223	Nguyễn Quang Tự	Ban Quản lý đào tạo	x										Học viện
224	Mai Thị Phụng	Ban Quản lý đào tạo					x						HV và cá nhân
225	Nguyễn Thị Tuyết	Ban Quản lý đào tạo					x						HV và cá nhân
226	Đỗ Thị Linh	Ban Quản lý đào tạo					x						HV và cá nhân
227	Nguyễn Phương Dung	Ban Quản lý đào tạo					x						HV và cá nhân
228	Trần Thanh Hà	Ban Quản lý đào tạo					x						HV và cá nhân
229	Nguyễn Ích Tân	Văn phòng Học viện		x							2016		HV và cá nhân
230	Nguyễn Công Tiệp	Văn phòng Học viện			x						2016		HV và cá nhân
231	Nguyễn Việt Long	Văn phòng Học viện	x								2016		Học viện
232	Lê Thị Ly									Khóa ĐT về pháp chế	2016	Bộ GD & ĐT	HV và cá nhân

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nội dung bồi dưỡng								Thời gian	Cơ sở bồi dưỡng	Nguồn kinh phí dự kiến
			Cao cấp LLCT	Giảng viên Cao cấp	Giảng viên chính	Nghiệp vụ SP	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Kỹ sư, NCV chính	Khác (ghi rõ nội dung)			
233	Nguyễn Xuân Thiết	Trung tâm ĐBCL	x		x								HV và cá nhân
234	Nguyễn T Ngọc Lan	TTTTTVLĐC					x				3 tháng	HVQLGD	HV và cá nhân
235	Tô Văn Nguyên	TTTTTVLĐC							x		2 tháng	Trường QLKH & CN	HV và cá nhân
236	Lê Hồng Giang	TTTTTVLĐC						x			3 tháng	HVQLGD	HV và cá nhân
237	Nguyễn T Phương Lan	TTTTTVLĐC						x			3 tháng	HVQLGD	HV và cá nhân
238	Trần Thị Thu Huyền	TTTTTVLĐC						x			3 tháng	HVQLGD	HV và cá nhân
239	Mai Thị Hiền	TTTTTVLĐC								TCLLCT-HC	6-8 tháng	Trường CBQLV- TT & DL	HV và cá nhân
240	Nguyễn Hữu Tuấn	Nhà xuất bản ĐHNN							x				HV và cá nhân
241	Dương Huy Thanh	Nhà xuất bản ĐHNN							x				HV và cá nhân
242	Hà Thị Phương Mai	Nhà xuất bản ĐHNN							x				HV và cá nhân
243	Đinh Thế Duy	Nhà xuất bản ĐHNN							x				HV và cá nhân
244	Vũ Văn Quang	Viện NC & PTCT							x				HV và cá nhân
245	Lê Văn Thành	Viện NC & PTCT							x				HV và cá nhân
246	Nguyễn Trọng Tú	Viện NC & PTCT							x				HV và cá nhân
247	Lê Văn Thành	Viện NC & PTCT							x				HV và cá nhân
248	Vũ Thị Bích Hạnh	Viện NC & PTCT							x				HV và cá nhân
249	Nguyễn Văn Hà	Viện NC & PTCT							x				HV và cá nhân
250	Phạm Thị Yến	Viện NC & PTCT							x				HV và cá nhân
251	Dương Thị Loan	Viện NC & PTCT											HV và cá nhân
252	Hoàng Thị Thùy	Viện NC & PTCT											HV và cá nhân
253	Trần Thị Thanh Hà	Viện NC & PTCT											HV và cá nhân
254	70 LĐ hợp đồng	Viện, Trung tâm				x							Học viện



KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG
NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ Ở TRONG NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số: 4341/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2015)

STT	Họ và tên	Đơn vị	Trong nước					Thời gian công tác, học tập	Cơ sở đào tạo, đơn vị đến công tác	Nguồn kinh phí dự kiến	Ghi chú
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Ngoại ngữ	Chuyên môn, nghiệp vụ và khác				
1	Nguyễn Đức Khánh	Khoa Nông học			x			2016		Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định
2	Nguyễn Thị Phương Dung	Khoa Nông học			x		Sinh lý thực vật		Đại học KHTN hoặc ĐHSPHN	Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định
3	Nguyễn Thị Thanh Hồng	Khoa Nông học				x		2016		Theo QĐ của HV	
4	Nguyễn Chí Thành	Khoa Chăn nuôi			x			2016		Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định
5	Phí Thị Cẩm Miện	Khoa CNSH			x	x		2016	Trong nước	Học bổng	Nếu đủ điều kiện theo quy định
6	Trần Đông Anh	Khoa CNSH				x				Theo QĐ của HV	
7	Nguyễn Xuân Cảnh	Khoa CNSH				x				Theo QĐ của HV	
8	Nguyễn Văn Giang	Khoa CNSH				x				Theo QĐ của HV	
9	Nguyễn Thị Bích Thùy	Khoa CNSH				x				Theo QĐ của HV	
10	Trần Thị Đào	Khoa CNSH				x				Theo QĐ của HV	
11	Ngô Thành Trung	Khoa CNSH			x			2016	Trong nước	Học bổng	
12	Phạm Thu Giang	Khoa CNSH				x				Theo QĐ của HV	

STT	Họ và tên	Đơn vị	Trong nước					Thời gian công tác, học tập	Cơ sở đào tạo, đơn vị đến công tác	Nguồn kinh phí dự kiến	Ghi chú
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Ngoại ngữ	Chuyên môn, nghiệp vụ và khác				
13	Ngô Xuân Dũng	Khoa CNTP			x		x	TS: 2016, các khóa ngắn hạn theo thông báo	TS tại các trường ĐH, Viện NCĐTTS, khóa tập huấn ngắn hạn do HV và đơn vị ngoài trường tổ chức	TS tại trường ĐH, viện n/cứu ĐTTS. Các khóa ngắn hạn từ nguồn hỗ trợ trong và ngoài HV, cá nhân	Nếu đủ điều kiện theo quy định
14	Nguyễn Vĩnh Hoàng	Khoa CNTP					x	Theo thông báo của các khóa học ngắn hạn	Do Học viện và đơn vị ngoài trường tổ chức	Từ các nguồn hỗ trợ trong và ngoài học viện, cá nhân	
15	Lê Minh Nguyệt	Khoa CNTP					x				
16	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Khoa CNTP				x	x				
17	Phan Thị Phương Thảo	Khoa CNTP			x		x	TS: 2016, các khóa ngắn hạn theo thông báo	TS tại các trường ĐH, Viện Nghiên cứu đào tạo TS, khóa tập huấn ngắn hạn do HV và đơn vị ngoài trường tổ chức	TS kinh phí nhà nước, cá nhân. Các khóa ngắn hạn từ nguồn hỗ trợ trong và ngoài HV, cá nhân	
18	Trần Thị Lan Hương	Khoa CNTP					x			Theo QĐ của HV	
19	Nguyễn Thị Hoàng Lan	Khoa CNTP				x	x			Theo QĐ của HV	
20	Trần Thị Nhung	Khoa CNTP				x	x			Theo QĐ của HV	
21	Nguyễn Huy Bảo	Khoa CNTP		x		x	x			Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định
22	Trần Hữu Thành	Khoa CNTP		x		x	x			Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định
23	Đỗ Thị Hồng Hải	Khoa CNTP		x		x	x			Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định

STT	Họ và tên	Đơn vị	Trong nước					Thời gian công tác, học tập	Cơ sở đào tạo, đơn vị đến công tác	Nguồn kinh phí dự kiến	Ghi chú
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Ngoại ngữ	Chuyên môn, nghiệp vụ và khác				
24	Hoàng Thị Hà	Khoa CNTT			x			2016		Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định
25	Nguyễn Thị Lan	Khoa CNTT				x	các môn c/n	2016		Tự túc	
26	Lê Thị Diệu Thùy	Khoa CNTT				x		6 tháng	ĐH Hà Nội	Theo QĐ của HV	
27	Nguyễn Thị Huyền B	Khoa CNTT				x		6 tháng	ĐH Hà Nội	Theo QĐ của HV	
28	Đào Thu Huyền	Khoa CNTT				x		6 tháng	ĐH Hà Nội	Theo QĐ của HV	
29	Lê Thị Hạnh	Khoa CNTT				x		6 tháng	ĐH Hà Nội	Theo QĐ của HV	
30	Thân Ngọc Thành	Khoa CNTT				x		6 tháng	ĐH Hà Nội	Theo QĐ của HV	
31	Nguyễn Hữu Hải	Khoa CNTT				x		6 tháng	ĐH Hà Nội	Theo QĐ của HV	
32	Nguyễn Thủy Hằng	Khoa CNTT				x		6 tháng	ĐH Hà Nội	Theo QĐ của HV	
33	Nguyễn Hà Thanh	Khoa CNTT				x		6 tháng	ĐH Hà Nội	Theo QĐ của HV	
34	Nguyễn Thị Bích Thùy	Khoa CNTT				x		6 tháng	ĐH Hà Nội	Theo QĐ của HV	
35	Nguyễn Thị Phương	Khoa CNTT				TA B1		6 tháng	ĐH Hà Nội	Theo QĐ của HV	
36	Bùi Thị Thu	Khoa CNTT				TA B1		6 tháng	ĐH Hà Nội	Theo QĐ của HV	
37	Nguyễn Thị Thanh	Khoa CNTT				TOEFL		6 tháng	ĐH Hà Nội	Theo QĐ của HV	
38	Lê Thị Thảo	Khoa CNTT				IELTS		6 tháng	ĐH Hà Nội	Theo QĐ của HV	
39	Đào Xuân Tiến	Khoa Cơ Điện			x	x		2016	ĐH Bách khoa Hà Nội	Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định
40	Nguyễn Xuân Trường	Khoa Cơ Điện				x			Trường ĐHHN	Theo QĐ của HV	
41	Nguyễn Thị Duyên	Khoa Cơ Điện				x			Trường ĐHHN	Theo QĐ của HV	
42	Dương Thành Huân	Khoa Cơ Điện				x			Trường ĐHHN	Theo QĐ của HV	
43	Nguyễn Thị Thu Trang	Khoa Cơ Điện			x			2016	ĐH Bách khoa Hà Nội	Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định
44	Mai Thị Thanh Thùy	Khoa Cơ Điện				x		2016		Theo QĐ của HV	
45	Ngô Phương Thùy	Khoa Cơ Điện		x		x		2016		Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định
46	Nguyễn Trọng Minh	Khoa Cơ Điện				x		2016		Theo QĐ của HV	

STT	Họ và tên	Đơn vị	Trong nước					Thời gian công tác, học tập	Cơ sở đào tạo, đơn vị đến công tác	Nguồn kinh phí dự kiến	Ghi chú
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Ngoại ngữ	Chuyên môn, nghiệp vụ và khác				
47	Đỗ Trung Thực	Khoa Cơ Điện				x		2016		Theo QĐ của HV	
48	Nông Văn Nam	Khoa Cơ Điện				x		2016		Theo QĐ của HV	
49	Nguyễn Thị Phương	Khoa KT & PTNT		x				2016	Fulbright - Đại học Nông Lâm Thủ Đức	Học bổng	Nếu đủ điều kiện theo quy định
50	Trần Nguyên Thành	Khoa KT & PTNT		x				2016	ĐH Bách Khoa	Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định
51	Trần Mạnh Hải	Khoa KT & PTNT			x			2016	Học viện NNVN	Học viện	
52	Trần Hương Giang	Khoa KT & PTNT		x						Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định
53	Vũ Thị Thu Hương	Khoa KT & PTNT		x						Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định
54	Hồ Ngọc Cường	Khoa KT & PTNT				x		2016		Theo QĐ của HV	
55	Ngô Văn Hoàng	Khoa KT & PTNT				x		2016		Theo QĐ của HV	
56	Nguyễn Thanh Phong	Khoa KT & PTNT			x			2016	Học viện NN	Học viện	
57	Trần Thị Như Ngọc	Khoa KT & PTNT			x			2016	Học viện NN	Học viện	
58	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	Khoa KT & PTNT			x			2016	Học viện NN	Học bổng 911	
59	Bùi Thị Khánh Hòa	Khoa KT & PTNT			x			2016	Học viện NN	Học bổng 911	
60	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Khoa LLCT & XH		x				2016-2018	ĐH Khoa học XH và Nhân văn	Học viện	Nếu đủ điều kiện theo quy định
61	Đỗ Thị Kim Hương	Khoa LLCT & XH			x			2016-2020	Học viện Khoa học xã hội	Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định
62	Lê Thị Hồng Lam	Khoa SP & NN			x	x		2016	ĐHSPHN, HĐ Anh	Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định
63	Trần Thị Thanh Tâm	Khoa SP & NN			x			2016	ĐHKHXHNV	Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định
64	Lê Thị Kim Thu	Khoa SP & NN		x			PPGD c/tr ĐT POHE	2016	Trường ĐHSPHN	Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định
65	Nguyễn Công Ước	Khoa SP & NN							Học viện	Theo QĐ của HV	

STT	Họ và tên	Đơn vị	Trong nước					Thời gian công tác, học tập	Cơ sở đào tạo, đơn vị đến công tác	Nguồn kinh phí dự kiến	Ghi chú
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Ngoại ngữ	Chuyên môn, nghiệp vụ và khác				
66	Trần Nguyễn Hà	Khoa SP & NN					PPGD c/tr ĐT POHE	Khi cơ sở tổ chức bồi dưỡng mở lớp	Học viện	Theo QĐ của HV	
67	Nguyễn Tất Thắng	Khoa SP & NN							Học viện	Theo QĐ của HV	
68	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Khoa SP & NN								Theo QĐ của HV	
69	Bùi Thị Hải Yến	Khoa SP & NN								Theo QĐ của HV	
70	Nguyễn Thị Lan Anh	Khoa SP & NN					GD tiếng anh theo đường hướng giao tiếp và lấy người học làm trung tâm,. Kiểm tra đánh giá và sử dụng CN trong dạy học. Khóa bồi dưỡng giáo viên theo đề án 2020. Khóa tập huấn cho GV dạy ESP	2016 - 2017	Hội đồng Anh, các cơ sở đào tạo được Bộ GD & ĐT giao	Theo QĐ của HV	
71	Trần Thị Hải	Khoa SP & NN									
72	Nguyễn Thị Hường	Khoa SP & NN									
73	Bùi Thị Là	Khoa SP & NN									
74	Hà Thị Lan	Khoa SP & NN									
75	Phạm Hương Lan	Khoa SP & NN									
76	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khoa SP & NN									
77	Trần Thanh Phương	Khoa SP & NN									
78	Nguyễn Thị Minh Tâm	Khoa SP & NN									
79	Nguyễn Thị Ngọc Thu	Khoa SP & NN									
80	Trần Thu Trang	Khoa SP & NN									
81	Phạm Thị Hạnh	Khoa SP & NN									
82	Trần Thị Thu Hiền	Khoa SP & NN									
83	Nguyễn Nhị Hương	Khoa SP & NN									
84	Vũ Thị Hương	Khoa SP & NN									
85	Nguyễn Thị Thúy Lan	Khoa SP & NN									
86	Trần Thị Tuyết Mai	Khoa SP & NN									
87	Nguyễn Thị Kim Quế	Khoa SP & NN									
88	Nguyễn Thị Minh Tâm	Khoa SP & NN									
89	Phạm Thị Tuyết Thanh	Khoa SP & NN									
90	Nguyễn Thị Thu Thủy	Khoa SP & NN									
91	Nguyễn Thị Lan Anh	Khoa QLDD			x			2016		Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định

STT	Họ và tên	Đơn vị	Trong nước					Thời gian công tác, học tập	Cơ sở đào tạo, đơn vị đến công tác	Nguồn kinh phí dự kiến	Ghi chú
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Ngoại ngữ	Chuyên môn, nghiệp vụ và khác				
92	Nguyễn Văn Thao	Khoa QLDD			x	x		2016		Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định
93	Trần Trọng Phương	Khoa QLDD				x		2016		Theo QĐ của HV	
94	Nguyễn Đình Trung	Khoa QLDD			x	x		2016		Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định
95	Phan Văn Khuê	Khoa QLDD				x		2016		Theo QĐ của HV	
96	Nguyễn thị Thu Hiền	Khoa QLDD				x		2016		Theo QĐ của HV	
97	Nguyễn Đức Lộc	Khoa QLDD				x		2016		Theo QĐ của HV	
98	Nguyễn Khắc Năng	Khoa QLDD				x		2016		Theo QĐ của HV	
99	Nguyễn Tuấn Anh	Khoa QLDD			x	x		2016		Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định
100	Luyện Hữu Cừ	Khoa QLDD				x		2016		Theo QĐ của HV	
101	Hoàng Quốc Việt	Khoa QLDD				x		2016		Theo QĐ của HV	
102	Nguyễn Đức Hùng	Khoa QLDD				x		2016		Theo QĐ của HV	
103	Trần Quốc Vinh	Khoa QLDD				x		2016		Theo QĐ của HV	
104	Phạm Văn Vân	Khoa QLDD				x		2016		Theo QĐ của HV	
105	Phan Thị Thanh Huyền	Khoa QLDD				x		2016		Theo QĐ của HV	
106	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa QLDD			x	x		2016		Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định
107	Bùi Nguyên Hạnh	Khoa QLDD				x		2016		Theo QĐ của HV	
108	Nguyễn Thị Hương Giang	Khoa Môi trường			x			2016		Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định
109	Đinh Hồng Duyên	Khoa Môi trường				x		2016		Theo QĐ của HV	
110	Hoàng Hiệp	Khoa Môi trường				x		2016	ĐH Ngoại ngữ	Theo QĐ của HV	
111	Nguyễn Đức Trường	Khoa Thú y				x		2016		Theo QĐ của HV	
112	Bùi Văn Dũng	Khoa Thú y				x		2016		Theo QĐ của HV	
113	Lê Ngọc Ninh	Khoa Thú y				x		2016		Theo QĐ của HV	

STT	Họ và tên	Đơn vị	Trong nước					Thời gian công tác, học tập	Cơ sở đào tạo, đơn vị đến công tác	Nguồn kinh phí dự kiến	Ghi chú
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Ngoại ngữ	Chuyên môn, nghiệp vụ và khác				
114	Hoàng Minh	Khoa Thú y				x		2016		Theo QĐ của HV	
115	Cam Thu Hà	Khoa Thú y				x		2016		Theo QĐ của HV	
116	Phạm Thị Lan Hương	Khoa Thú y				x		2016		Theo QĐ của HV	
117	Trần Văn Nền	Khoa Thú y				x		2016		Theo QĐ của HV	
118	Đinh Phương Nam	Khoa Thú y				x		2016		Theo QĐ của HV	
119	Cao Thị Bích Phượng	Khoa Thú y				x		2016		Theo QĐ của HV	
120	Vũ Thị Ngọc	Khoa Thú y				x		2016		Theo QĐ của HV	
121	Lê Trọng Động	TTGDTC & TT		x				2016	ĐHTDTC Bắc Ninh	Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định
122	Nguyễn Xuân Cừ	TTGDTC & TT					LLGDTC	1- 3 tháng	Đại học TDTT thành phố Hồ Chí Minh	Theo QĐ của HV	
123	Nguyễn Thùy Dung	Ban Thanh tra					x	2016		Theo QĐ của HV	
124	Lê Thị Hải	Ban Thanh tra					x	2016		Theo QĐ của HV	
125	Trịnh Hồng Kiên	Ban Thanh tra					x	2016		Theo QĐ của HV	
126	Nguyễn Bình Trung	Ban Thanh tra					x	2016		Theo QĐ của HV	
127	Nguyễn Anh Tuấn	Ban Quản lý đào tạo				x				Theo QĐ của HV	
128	Nguyễn Thị Lương	Ban Quản lý đào tạo				x				Theo QĐ của HV	
129	Vũ Thị Khánh Toàn	Ban Quản lý đào tạo				x				Theo QĐ của HV	
130	Mai Thị Phượng	Ban Quản lý đào tạo				x				Theo QĐ của HV	
131	Nguyễn Thị Tuyết	Ban Quản lý đào tạo				x				Theo QĐ của HV	
132	Lê Thị Soi	Ban Quản lý đào tạo				x				Theo QĐ của HV	
133	Đỗ Thị Linh	Ban Quản lý đào tạo				x				Theo QĐ của HV	
134	Nguyễn Trọng Trung	Ban Quản lý đào tạo				x				Theo QĐ của HV	
135	Nguyễn Phương Dung	Ban Quản lý đào tạo				x				Theo QĐ của HV	
136	Trần Thanh Hà	Ban Quản lý đào tạo				x				Theo QĐ của HV	
137	Nguyễn Văn Phơ	Ban Quản lý đào tạo				x				Theo QĐ của HV	

STT	Họ và tên	Đơn vị	Trong nước					Thời gian công tác, học tập	Cơ sở đào tạo, đơn vị đến công tác	Nguồn kinh phí dự kiến	Ghi chú
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Ngoại ngữ	Chuyên môn, nghiệp vụ và khác				
138	Vũ Hồng Lan	TTTTTVLĐC					Sử dụng khung phân loại thập phân Dewey-DDC	3 - 5 ngày	Thư viện quốc gia Việt Nam	Theo QĐ của HV	
139	Mai Thị Hiền	TTTTTVLĐC									
140	Phạm Thị Thanh Mai	TTTTTVLĐC					Tiêu chuẩn VN trong hoạt động TV	3-5 ngày	Thư viện quốc gia Việt Nam	Theo QĐ của HV	
141	Nguyễn Thùy Linh	TTTTTVLĐC					Tạo lập và PT chia sẻ nguồn lực TT trong TVĐH	5- 10 ngày	Liên hiệp thư viện các trường đại học	Theo QĐ của HV	
142	Trần Thị Thu Huyền	TTTTTVLĐC									
143	Hoàng Đức Liên, Phạm Thị Thanh Mai	TTTTTVLĐC					Công tác QLTVĐH trước xu thế hội nhập	5-10 ngày	Liên hiệp thư viện các trường đại học	Theo QĐ của HV	
144	Tô Văn Nguyễn	TTTTTVLĐC					Ứng dụng CNTT trong TVĐH	10 - 15 ngày	Microsoft, IGROUP các tập đoàn CNTT khác	Theo QĐ của HV	
145	Đinh Nguyệt Ánh	TTTTTVLĐC		x				2016	ĐHVN/ĐHKHXH & NV	Theo QĐ của HV	Nếu đủ điều kiện theo quy định
146	Nguyễn Xuân Thiết	Trung tâm ĐBCL					Tập huấn công tác ĐBCL, Tập huấn tiêu chí đánh giá CTĐT khối kỹ thuật	2016	Trường Đại học Việt Đức	Theo QĐ của HV	
147	Vũ Thị Thúy Hằng	Trung tâm ĐBCL									
148	Bùi Thị Hậu	Trung tâm ĐBCL					Tập huấn công tác ĐBCL	2016		Theo QĐ của HV	
149	Lưu Thị Nguyệt	Trung tâm ĐBCL									
150	Nguyễn Thị Thu	Trung tâm ĐBCL									
151	Nguyễn Thị Hương Thơm	Trung tâm ĐBCL			x	x	Tập huấn công tác ĐBCL	2016		Theo QĐ của HV	
152	Bùi Diệu Linh	Nhà xuất bản ĐHNN				x				Theo QĐ của HV	

STT	Họ và tên	Đơn vị	Trong nước					Thời gian công tác, học tập	Cơ sở đào tạo, đơn vị đến công tác	Nguồn kinh phí dự kiến	Ghi chú
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Ngoại ngữ	Chuyên môn, nghiệp vụ và khác				
153	Nguyễn Thanh Tuấn					x	Nâng cao nghiệp vụ kế toán, Kế toán trưởng			Theo QĐ của HV	
154	Lê Văn Thành	Viện NC & PTCT				x				cá nhân	
155	Dương Thị Loan	Viện NC & PTCT				x				cá nhân	



KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ Ở NƯỚC NGOÀI
(Kèm theo Quyết định số: 4341/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2015)

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nội dung bồi dưỡng				Thời gian công tác, học tập	Nước đến, đơn vị đến công tác, học tập	Chương trình dự kiến làm việc	Nguồn kinh phí
			Thạc sĩ	Tiến sĩ	Ngoại ngữ	Chuyên môn, nghiệp vụ và khác				
1	Nguyễn Thị Phượng	Khoa Nông học	x				2016-2018	Hà Lan	Khoa học cây trồng	NSNN (Đề án 599)
2	Phạm Thị Bích Phương	Khoa Nông học	x				2016-2018	Trung Quốc	Horticulture and Landscaping	Học bổng
3	Bùi Ngọc Tấn	Khoa Nông học				x	2016			Học bổng
4	Nguyễn Anh Đức	Khoa Nông học		x			2016			Học bổng
5	Thân Thế Anh	Khoa Nông học	x				2016	Nhật, Châu Âu, Mỹ		Học bổng
6	Nguyễn Đức Khánh	Khoa Nông học		x			2016	Nhật, Châu Âu, Mỹ		Học bổng
7	Vũ Duy Hoàng	Khoa Nông học		x	Tiếng Anh		2016-2019	Đức hoặc Úc		Kinh phí từ nguồn hợp tác đào tạo của Chính phủ các nước đến học
8	Nguyễn Thị Thanh Hồng	Khoa Nông học		x						Học bổng
9	Đào Thị Hiệp	Khoa Chăn nuôi	x				2016-2017			HB CNSH
10	Nguyễn Ngọc Bằng	Khoa Chăn nuôi		x			2016-2019			Học bổng
11	Hoàng Anh Tuấn	Khoa Chăn nuôi		x			2016-2019			Học bổng
12	Ngô Thị Thùy	Khoa Chăn nuôi		x			2016-2020	Úc		Học bổng trường
13	Bùi Huy Doanh	Khoa Chăn nuôi		x			2016-2020	Đức, Úc		ĐH Queensland, Úc
14	Đỗ Thị Huế	Khoa Chăn nuôi		TS			2016-2020	Úc, Bi		Học bổng Bộ NN&PTNT
15	Vũ Đình Tôn	Khoa Chăn nuôi				Hợp Ban điều phối	18-26/1/2016	Các trường ĐH khối Pháp ngữ Vương quốc Bỉ		Phía mời tài trợ
	Vũ Đình Tôn	Khoa Chăn nuôi				Hội nghị, hội thảo	Theo giấy mời			Phía mời tài trợ
	Phạm Kim Đăng	Khoa Chăn nuôi				Hội nghị, hội thảo	Phụ thuộc dự án	ĐH Liege	Hội thảo CNTY nhiệt đới	Dự án
16	Phạm Kim Đăng	Khoa Chăn nuôi				Hội nghị, hội thảo	3/2016	Angola	Tổng kết dự án ĐT thạc sĩ	Đối tác

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nội dung bồi dưỡng				Thời gian công tác, học tập	Nước đến, đơn vị đến công tác, học tập	Chương trình dự kiến làm việc	Nguồn kinh phí
			Thạc sĩ	Tiến sĩ	Ngoại ngữ	Chuyên môn, nghiệp vụ và khác				
17	Đỗ Đức Lực	Khoa Chăn nuôi				Hội nghị, hội thảo	Theo giấy mời	Vương quốc Bỉ, Thái Lan	N/c về ứng dụng di truyền trong CN	Phía mời tài trợ
18	Hà Xuân Bộ	Khoa Chăn nuôi				Hội nghị, hội thảo	Theo giấy mời	Vương quốc Bỉ, Thái Lan	Hội thảo Á - Úc 2016	Phía mời tài trợ
19	Nguyễn Hoàng Thịnh	Khoa Chăn nuôi				Hội nghị, hội thảo	Theo giấy mời	Vương quốc Bỉ, Thái Lan	Phát triển chăn nuôi bền vững	Phía mời tài trợ
20	Đinh Văn Chính	Khoa Chăn nuôi				Hội nghị, hội thảo	Theo giấy mời	Vương quốc Bỉ, Thái Lan	N/c phát triển chăn nuôi	Phía mời tài trợ
21	Phan Xuân Hào	Khoa Chăn nuôi				Hội nghị, hội thảo	Theo giấy mời	Vương quốc Bỉ, Thái Lan	N/c phát triển chăn nuôi	Phía mời tài trợ
22	Hán Quang Hạnh	Khoa Chăn nuôi				Hội nghị, hội thảo, ĐTNH	Theo giấy mời	Bỉ, Mỹ, Thái Lan, Ai Cập	Nghiên cứu về phúc lợi động vật	Đối tác
23	Nguyễn Thị Xuân	Khoa Chăn nuôi				Hội nghị, hội thảo, ĐTNH	Theo giấy mời	Bỉ, Mỹ, Thái Lan, Ai Cập	Nghiên cứu về phúc lợi động vật	Đối tác
24	Dương Thu Hương	Khoa Chăn nuôi				Hội nghị, hội thảo	Theo giấy mời	Vương quốc Bỉ,	Nghiên cứu về Probiotic	Dự án Việt Bỉ
25	Nguyễn Thị Vinh	Khoa Chăn nuôi				Hội nghị, hội thảo	Theo giấy mời	Vương quốc Bỉ,	Nghiên cứu hệ gen lợn bằng KTSNP	Dự án Việt Bỉ
26	Lê Hữu Hiếu	Khoa Chăn nuôi				Hội nghị, Hội thảo	Tháng 6 - 8/2016	Vương quốc Bỉ	Nghiên cứu về PT CN bền vững	Dự án Việt Bỉ
27	Nguyễn Thị Phương Giang	Khoa Chăn nuôi				Hội nghị, Hội thảo	Theo giấy mời	Bỉ, Thái, Nhật, Mỹ	Nghiên cứu về quyền lợi động vật	Đối tác
28	Phan Trọng Tiến	Khoa CNTT			x		2016			Trường
29	Nguyễn Thị Thủy	Khoa CNTT				x	tháng 2-3/2016	ĐH Osaka, Nhật Bản	GD, nghiên cứu, trao đổi hợp tác	ĐH Osaka
30	Nguyễn Hoàng Huy	Khoa CNTT				Nghiên cứu học máy ứng dụng cho giao tiếp não, máy	2016	ĐH Tổng hợp Greifswald, CHLB Đức	Chương trình mời lại DAAD	DAAD
31	Ngô Xuân Dũng	Khoa CNTP		x		x	Theo thông báo của các khóa ngắn hạn TS : 2016	Theo thông báo của các khóa ngắn hạn Theo các ch/tr học bổng	Theo thông báo của các khóa ngắn hạn Theo các ch/tr học bổng	Từ hỗ trợ của các tổ chức nước ngoài, cá nhân Theo các chương trình học bổng

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nội dung bồi dưỡng				Thời gian công tác, học tập	Nước đến, đơn vị đến công tác, học tập	Chương trình dự kiến làm việc	Nguồn kinh phí
			Thạc sĩ	Tiến sĩ	Ngoại ngữ	Chuyên môn, nghiệp vụ và khác				
32	Nguyễn Vĩnh Hoàng	Khoa CNTP		x		x	Theo thông báo của các khóa ngắn hạn TS : 2016	Theo thông báo của các khóa ngắn hạn Theo các ch/tr học bổng	Theo thông báo của các khóa ngắn hạn Theo các ch/tr học bổng	Từ hỗ trợ của các tổ chức nước ngoài, cá nhân Theo các chương trình học bổng
33	Lê Minh Nguyệt	Khoa CNTP				x	Theo thông báo của các khóa ngắn hạn	Theo thông báo của các khóa ngắn hạn	Theo thông báo của các khóa ngắn hạn	Từ hỗ trợ của các tổ chức nước ngoài, cá nhân
34	Phan Thị Phương Thảo	Khoa CNTP		x		x	Theo thông báo của các khóa ngắn hạn TS : 2016	Theo thông báo của các khóa ngắn hạn Theo các ch/tr học bổng	Theo thông báo của các khóa ngắn hạn Theo các ch/tr học bổng	Từ hỗ trợ của các tổ chức nước ngoài, cá nhân Theo các chương trình học bổng
35	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Khoa CNTP				x	Theo thông báo của các khóa ngắn hạn	Theo thông báo của các khóa ngắn hạn	Theo thông báo của các khóa ngắn hạn	Từ hỗ trợ của các tổ chức nước ngoài, cá nhân
36	Trần Thị Lan Hương	Khoa CNTP				Hội thảo	Tháng 4/2016 (1 tuần)	Vương quốc Bỉ		Đề tài song phương
37	Nguyễn Huy Bảo	Khoa CNTP				Khóa học về chuỗi giá trị thực phẩm Đại học	Tháng 01/2016 (hai tuần) 8/2016 - 8/2017	Thái Lan Pháp	12 tháng	Học bổng JAIF Học bổng Đại sứ quán
38	Lại Thị Ngọc Hà	Khoa CNTP				Nâng cao trình độ	9/2016 - 12/2016	Vương quốc Bỉ		Dự án Vlir - Network
39	Ngô Thu Hà	Khoa CNSH		x			2016	Úc		Học bổng
40	Tổng Văn Hải	Khoa CNSH		x			2016	Hàn Quốc, Nhật		Học bổng
41	Nông Thị Huệ	Khoa CNSH		x			2016	Nhật, Úc, Đức		Học bổng
42	Ninh Thị Thảo	Khoa CNSH		x			2016	Úc		Học bổng
43	Đình Trường Sơn	Khoa CNSH				x	tháng 10 - 12/2016	Nhật, Anh, Đức		Học bổng
44	Nguyễn Thị Duyên	Khoa Cơ Điện		x			2016	Nhật Bản		Đề án 911
45	Nguyễn Xuân Hiếu	Khoa Cơ Điện		x			2016	Nhật Bản		Đề án 911
46	Nguyễn Văn Linh	Khoa Cơ Điện				Nghiên cứu sau TS	01 năm từ tháng 01/2016	Trưởng ĐH CN Nanyang, Singapore	NC chuyên sâu lĩnh vực KT Điện - ĐT	Trường Đại học Công nghệ Nanyang
47	Nguyễn Hữu Hoàng	Khoa Cơ Điện		x			2016	Nhật, Úc, Đức		
48	Đặng Ngọc Danh	Khoa Cơ Điện		x			2016	Đức		Đề án 911
49	Trần Mạnh Hải	Khoa KT & PTNT		x			2016-2019	Philippines		Nhà nước/ NGOs
50	Nguyễn Thị Phương		x				2016-2018	Thái Lan		Nhà nước/ NGOs

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nội dung bồi dưỡng				Thời gian công tác, học tập	Nước đến, đơn vị đến công tác, học tập	Chương trình dự kiến làm việc	Nguồn kinh phí
			Thạc sĩ	Tiến sĩ	Ngoại ngữ	Chuyên môn, nghiệp vụ và khác				
51	Trần Nguyên Thành		x				2016-2018	Philippines		Nhà nước/ NGOs
52	Vũ Khắc Xuân		x				2016-2018	Úc	Học và làm đề tài	Nhà nước
53	Nguyễn Thị Huyền		x				2016-2018	Thái Lan	Học và làm đề tài	Nhà nước/tự túc
54	Trần Hương Giang		x							Nhà nước
55	Vũ Thị Thu Hương		x							Nhà nước
56	Nguyễn Thị Hải Ninh			x			2016 - 2020	Bi, Đại học Liege	Học tập, nghiên cứu ngành Kinh tế phát triển	Ngân sách nhà nước
57	Nguyễn Mạnh Hiếu		x				2016 - 2018		Học tập, nghiên cứu	Từ nguồn ngân sách
58	Trần Thị Thu Trang			x			2016-2018	Philippine	Ngành Kinh tế nông nghiệp	Học bổng SEARCA
59	Đỗ Thị Diệp			x			2016 - 2020	Bi, Đại học Liege	Học tập, nghiên cứu ngành Kinh tế phát triển	Ngân sách nhà nước
60	Nguyễn Thị Ngọc Thương			x			2016 - 2020	Nhật, Đại học Kyushu	Học tập, nghiên cứu ngành Kinh tế nông nghiệp	Ngân sách nhà nước
61	Lưu Văn Duy			x				Nước ngoài		Ngân sách NN
62	Đặng Xuân Phi		x					Nước ngoài		Ngân sách NN
63	Phạm T.Thanh Thủy			x				Nước ngoài		Ngân sách NN
64	Trần.T.Như Ngọc			x						Ngân sách NN
65	Nguyễn Thị Thu Quỳnh			x			2016 – 2020	Nhật Bản, Bi		911 – NSNN
66	Ngô Minh Hải			x			2016 – 2018	Nhật Bản		911 – NSNN
67	Đoàn Bích Hạnh			x			2016 – 2020	Nhật Bản, Thái Lan		911 – NSNN
68	Nguyễn Thị Huyền			x			2016 – 2020	Nhật Bản, Thái Lan		911 – NSNN
69	Đồng Thanh Mai		x				2016 – 2018	Philippine, Thái Lan		599 – NSNN
70	Bùi Thị Khánh Hòa			x			2016 – 2010	Nhật Bản, Thái Lan		911 – NSNN
71	Trần Minh Huệ			x	Tiếng Anh	Giảng viên	2016, 2017	Nhật, Bi	Kế toán	Ngân sách Nhà nước
72	Trần Nguyễn Thị Yến			x	Anh, Nhật	Giảng viên	2017	Nhật Bản	Tài chính, Kế toán, Kinh tế	Ngân sách Nhà nước
73	Nguyễn Thị Hải Bình			x	Tiếng Anh	Giảng viên	2017	Nhật Bản	QTKD, Kế toán, Kinh doanh	Ngân sách Nhà nước

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nội dung bồi dưỡng				Thời gian công tác, học tập	Nước đến, đơn vị đến công tác, học tập	Chương trình dự kiến làm việc	Nguồn kinh phí
			Thạc sĩ	Tiến sĩ	Ngoại ngữ	Chuyên môn, nghiệp vụ và khác				
74	Phan Lê Trang			x	Tiếng Anh	Giảng viên	2017	Nhật, Đài Loan	Tài chính, Kế toán, Kinh tế	Ngân sách Nhà nước
75	Trần Thị Thương			x	Tiếng Anh	Giảng viên	2017	Nhật Bản	QTKD, Kế toán, Tài chính	Ngân sách Nhà nước
76	Trần Thị Hải Phương		x		Tiếng Anh	Giảng viên	2016	Nhật Bản	QTKD, Kế toán, Tài chính	Ngân sách Nhà nước, Tự túc
77	Lại Phương Thảo			x	Tiếng Anh	Giảng viên	2017-2020	Mỹ, Úc	Kế toán-Quản lý	Học bổng 911
78	Bùi Thị Mai Linh			x	Tiếng Anh	Giảng viên	2018-2021	Anh, Mỹ	Kế toán-Quản lý	Học bổng 911
79	Lê Thị Thanh Hào			x	Tiếng Anh	Giảng viên		Úc, Bi, Nhật	Tài chính	
80	Nguyễn Đăng Tùng			x	Tiếng Anh	Giảng viên		Úc	Tài chính	Học bổng 911
81	Hoàng Sỹ Thính			x	Tiếng Anh	Giảng viên	2016	Newzealad	Tài chính	Học bổng 911
82	Nguyễn Thị Hương			x	Tiếng Anh	Giảng viên	2016	Nhật, Bi	Tài chính	Tìm học bổng
83	Trần Trọng Nam			x	Tiếng Anh	Giảng viên	2016, 2017	Nhật, Bi	Tài chính	Tìm học bổng
84	Đỗ Thị Mỹ Hạnh			x	Tiếng Anh	Giảng viên	2016	Nhật, Bi		Tìm học bổng
85	Bùi Hồng Quý			x	Tiếng Anh	Giảng viên	2016	Nhật, Bi		Tìm học bổng
86	Vũ Thị Hằng Nga		x		Tiếng Anh	Giảng viên	2016	Nhật, Bi		Tìm học bổng
87	Nguyễn Trọng Tuynh		x		Tiếng Anh	Giảng viên	2016	Đài Loan		Tìm học bổng
88	Nguyễn Thái Tùng			x	Tiếng Anh	Giảng viên	2017			Tìm học bổng
89	Đào Hồng Vân			x	Tiếng Anh	Giảng viên		Đức, Bi		Tìm học bổng
90	Nguyễn Thị Thu Trang			x	Tiếng Anh	Giảng viên		Hà Lan. Bi		Tìm học bổng

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nội dung bồi dưỡng				Thời gian công tác, học tập	Nước đến, đơn vị đến công tác, học tập	Chương trình dự kiến làm việc	Nguồn kinh phí
			Thạc sĩ	Tiến sĩ	Ngoại ngữ	Chuyên môn, nghiệp vụ và khác				
91	Đổng Đạo Dũng			x	Tiếng Anh	Giảng viên		Nhật, Úc		Tìm học bổng
92	Lê Thị Thu Hương			x	Tiếng Anh	Giảng viên		Bi, Nhật, Hàn Quốc		Tìm học bổng
93	Nguyễn Thị Kim Oanh			x	Tiếng Anh	Giảng viên		Bi, Nhật, Hàn Quốc		Tìm học bổng
94	Nguyễn Ngọc Mai		x		Tiếng Anh	Giảng viên		Thái Lan, Bi		Tìm học bổng
95	Trần Thị Thanh Huyền		x		Tiếng Anh	Giảng viên		Bi, Nhật, Thái Lan		Tìm học bổng
96	Đoàn Thị Ngọc Thúy		X		Tiếng Anh	Giảng viên		Thái Lan, Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc		Tìm học bổng, Tự túc
97	Nguyễn Khắc Việt Ba	Khoa Quản lý đất đai		x			2016			Học bổng
98	Nguyễn Thành Trung	Khoa Quản lý đất đai		x			2016			Học bổng
99	Vũ Thanh Biển	Khoa Quản lý đất đai	x				2016			Học bổng
100	Bùi Nguyên Hạnh	Khoa Quản lý đất đai		x			2016	Nga		Học bổng
101	Nguyễn Thị Minh Hạnh	Khoa LLCT & XH		x			2016 - 2019	Nhật Bản	Luật	Đề án 911
102	Nguyễn T. Hương Giang	Khoa Môi trường		x			2016 - 2019			Học bổng
103	Nguyễn Thế Bình	Khoa Môi trường			x	x			SH trong NN SH và CN trong xử lý BVMT	Nhà nước, Học viện và đối tác mời
104	Đinh Hồng Duyên	Khoa Môi trường			x	x			SH trong NN SH và CN trong xử lý BVMT	Nhà nước, Học viện và đối tác mời
105	Nguyễn Tú Điệp	Khoa Môi trường			x	x			SH trong NN SH và CN trong xử lý BVMT	Nhà nước, Học viện và đối tác mời
106	Trần Nguyên Bằng	Khoa Môi trường		x			2016 - 2019	Úc		Ngân sách 911
107	Dương Thị Huyền	Khoa Môi trường		x				Nhật Bản		Ngân sách 911
108	Trần Thanh Vân	Khoa Môi trường		x				Nhật, Úc		Ngân sách 911
109	Nguyễn Tuyết Lan	Khoa Môi trường		x				Nhật		Ngân sách 911
110	Nguyễn Thị Hoài	Khoa Sư phạm và NN	x				2016 - 2018	Australia		Xin học bổng
111	Nguyễn Thị Lan Anh	Khoa Sư phạm và NN								
112	Trần Thị Hải	Khoa Sư phạm và NN								
113	Nguyễn Thị Hường	Khoa Sư phạm và NN				Các khóa học ngắn hạn nâng cao kỹ				Khóa học nâng cao kỹ

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nội dung bồi dưỡng				Thời gian công tác, học tập	Nước đến, đơn vị đến công tác, học tập	Chương trình dự kiến làm việc	Nguồn kinh phí
			Thạc sĩ	Tiến sĩ	Ngoại ngữ	Chuyên môn, nghiệp vụ và khác				
114	Bùi Thị Là	Khoa Sư phạm và NN				năng giảng dạy	2016 -2017	Khóa học nâng cao kỹ năng giảng dạy tiếng Anh cho người lớn tại RELC - Singapore Khóa học nâng cao trình độ cho giảng viên tiếng Anh tại Bỉ		năng giảng dạy tiếng Anh cho người lớn kinh phí do Học viện/học bổng/ cá nhân chi trả Khóa học nâng cao trình độ cho giảng viên tiếng Anh tại Bỉ kinh phí do dự án Việt Bỉ
115	Hà Thị Lan	Khoa Sư phạm và NN				tiếng Anh cho người lớn				
116	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khoa Sư phạm và NN				Các khóa học ngắn hạn bồi dưỡng nâng cao trình độ cho giảng viên tiếng Anh theo dự án Việt Bỉ				
117	Nguyễn Thị Kim Quế	Khoa Sư phạm và NN								
118	Nguyễn Thị Minh Tâm	Khoa Sư phạm và NN								
119	Ngô Thị Thanh Tâm	Khoa Sư phạm và NN								
120	Phạm Thị Tuyết Thanh	Khoa Sư phạm và NN								
121	Nguyễn Thị Ngọc Thu	Khoa Sư phạm và NN								
122	Nguyễn Thị Thu Thủy	Khoa Sư phạm và NN								
123	Trần Thu Trang	Khoa Sư phạm và NN								
124	Trần Ánh Tuyết	Khoa Thủy sản		x		Thủy sản	3+5/2016	Thái Lan		Học bổng
125	Trịnh Thị Trang	Khoa Thủy sản		x		Vi sinh	7+8/2016	Thái Lan		Học bổng
126	Nguyễn Thị Dung	Khoa Thủy sản	x			Thủy sản	8+9/2016	Thái Lan		Học bổng
127	Nguyễn Thị Hậu	Khoa Thủy sản	x			Thủy sản	8+9/2016	Thái Lan		Học bổng
128	Nguyễn Văn Tuyền	Khoa Thủy sản	x			Thủy sản	2016 - 2018	Thái Lan		Học bổng
129	Trần Thị Năng Thu	Khoa Thủy sản				Nuôi cá biển	5/2016	Thái Lan		Dự án
130	Nguyễn Đức Trường	Khoa Thú y		x			Dự kiến 2016	Nhật Bản; Thái Lan	Công nghệ sinh học Thú y	Học bổng
131	Bùi Văn Dũng	Khoa Thú y	x				Dự kiến 2016	Nhật Bản; Thái Lan	Công nghệ sinh học Thú y	Học bổng
132	Lê Ngọc Ninh	Khoa Thú y		x			Dự kiến 2016	Nhật Bản	Công nghệ sinh học Thú y	Học bổng
133	Đông Văn Hiếu	Khoa Thú y		x			Dự kiến 2016	Nhật Bản	Vệ sinh an toàn thực phẩm	Học bổng
134	Cam Thu Hà	Khoa Thú y		x			Dự kiến 2016	Nhật Bản	Vệ sinh an toàn thực phẩm	Học bổng
135	Dương Đức Hiếu	Khoa Thú y		x			Dự kiến 2016	Nhật Bản	Công nghệ sinh học Thú y	Học bổng
136	Nguyễn Thành Trung	Khoa Thú y		x			Dự kiến 2016	Nhật Bản	Công nghệ sinh học Thú y	Học bổng
137	Cao Thị Bích Phượng	Khoa Thú y		x			Dự kiến 2016	Nhật Bản	Công nghệ sinh học Thú y	Học bổng
138	Vũ Thị Ngọc	Khoa Thú y		x			Dự kiến 2016	Nhật Bản	Công nghệ sinh học Thú y	Học bổng
139	Phạm Bảo Dương	Ban TCCB					tháng 6 - 12/2016	Nhật Bản	Giảng dạy	Nhật Bản

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nội dung bồi dưỡng				Thời gian công tác, học tập	Nước đến, đơn vị đến công tác, học tập	Chương trình dự kiến làm việc	Nguồn kinh phí
			Thạc sĩ	Tiến sĩ	Ngoại ngữ	Chuyên môn, nghiệp vụ và khác				
140	Bùi Thị Hậu	TT Đảm bảo CL				Quản lý dự án theo chương trình của DAAD				Học viện/cá nhân
141	Nguyễn Thị Thu	TT Đảm bảo CL				Tập huấn AUN		Thái Lan hoặc Philippin		Học viện/cá nhân
142	Lưu Thị Nguyệt	TT Đảm bảo CL				Tập huấn AUN		Thái Lan hoặc Philippin		Học viện/cá nhân
143	Nguyễn Thị Hương Thom	TT Đảm bảo CL				Tập huấn AUN		Thái Lan hoặc Philippin		Học viện/cá nhân
144	Vũ Thị Thúy Hằng	TT Đảm bảo CL				Tập huấn AUN		Thái Lan hoặc Philippin		Học viện/cá nhân
145	Vũ Văn Quang			x	x					Học bổng
146	Vũ Thị Bích Hạnh			x	x					Học bổng